

Số: 1146/TB-GTCB

Cao Bằng, ngày 14 tháng 7 năm 2021

V/v: Thư mời chào giá thuê ngoài sửa
chữa Nhà tổng hợp

Kính gửi:

- Công ty CP đầu tư và xây dựng VVMI;
- Công ty TNHH Thương mại Ngọc Anh;
- Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư XD An Phát;
- Công Ty Xây dựng Hoa Cường;
- Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Thái Lâm;

Công ty CP Gang thép Cao Bằng (CISCO) tổ chức Phiên chào giá tìm kiếm Nhà cung cấp dịch vụ sửa chữa. Kính mời các nhà cung cấp có chức năng và có khả năng cung cấp dịch vụ tham gia chào giá cung cấp dịch vụ theo quy cách, số lượng, thời gian cung cấp và các điều kiện cụ thể như sau:

1. Nội dung công việc :

TT	Nội dung công việc	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Sửa chữa Nhà tổng hợp khu Liên hợp gang thép Cao Bằng	Công trình	01	

(Có danh mục chi tiết khối lượng sửa chữa kèm theo thư mời chào giá)
(Các khách hàng tham gia chào giá tham khảo thêm về quy cách, tiêu chuẩn hàng hóa tại Khu liên hợp Gang thép Cao Bằng).

2. Nội dung Hồ sơ chào giá:

- a. Yêu cầu về tư cách, kinh nghiệm và năng lực của Nhà cung cấp:
- Giấy Chứng nhận đăng ký Kinh doanh (Bản sao công chứng đối với khách hàng lần đầu tiên trong năm 2021 tham gia chào giá tại Công ty cổ phần Gang thép tổ chức. Bản sao đối với các khách hàng đã tham gia đấu giá từ lần thứ hai trở lên trong năm 2021 tại các phiên chào giá cạnh tranh được Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng tổ chức).
 - Bên mời chào giá có thể chấp nhận nhà cung cấp độc lập hoặc nhà cung cấp liên danh miễn là đảm bảo các yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm và các điều kiện mời chào giá của Bên mời chào giá.
- b. Các yêu cầu về thương mại:
- Tiến độ thực hiện: Trong vòng 60 ngày kể từ ngày ký kết Hợp đồng
 - Địa điểm thực hiện: Tại Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng, Km7, QL 4A, xã Chu Trinh, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.
 - Chất lượng dịch vụ: Đảm bảo đúng quy cách và các tiêu chuẩn kỹ thuật.
 - Thời gian thanh toán: Trong vòng 30 ngày kể từ ngày bàn giao nghiệm thu đưa vào sử dụng và bên Bán cung cấp chứng từ hợp lệ cho bên Mua,

c. Phương thức chào giá:

Giá chào là giá do khách hàng tham gia chào giá ghi trong Bản chào giá, bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện dịch vụ tại địa điểm Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng, Km7, QL 4A, xã Chu Trinh, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng, bao gồm cả thuế, phí, lệ phí và chi phí liên quan khác. Trường hợp khách hàng chào giá không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì Bản chào giá của khách hàng sẽ bị loại.

3. Hình thức tham gia và thời gian chào giá

3.1. Hình thức chào giá:

- Bản chào giá và Biểu giá chào hàng phải do đại diện hợp pháp của nhà cung cấp ký tên và đóng dấu. Trường hợp ký thay thì người ký phải được ủy quyền của đại diện hợp pháp của nhà cung cấp kèm theo giấy ủy quyền, quyết định giao nhiệm vụ hoặc văn bản tương đương.

- Hồ sơ chào giá được gửi trong phong bì dán kín, có niêm phong và gửi trực tiếp về địa chỉ như sau: **Phòng Đầu tư xây dựng - Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng, Km7, QL 4A, xã Chu Trinh, thành phố Cao Bằng.**

3.2. Thời gian nhận Hồ sơ chào giá:

Hồ sơ chào giá phải được gửi đến phòng Đầu tư xây dựng - Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng, Km7, QL 4A, xã Chu Trinh, thành phố Cao Bằng trước 14h00 ngày 23 tháng 07 năm 2021.

3.3. Mở Hồ sơ chào giá:

- Hồ sơ chào giá của các khách hàng tham dự chào giá sẽ được các đại diện của Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng mở đồng thời một cách công khai vào hồi **14 ngày 23/07/2021** tại Phòng họp – Khu liên hợp Gang thép Cao Bằng.

- Bên mời chào giá mời các NCC đã nộp HSCG chứng kiến và xác nhận việc mở các HSCG, tuy nhiên trong mọi trường hợp việc mở HSCG vẫn được tiến hành vào thời gian đã được quy định trong TMCG mà không phụ thuộc vào việc có mặt hay không của các NCC này.

- Các thông tin về nội dung chủ yếu của Hồ sơ chào giá của các nhà cung cấp bao gồm tối thiểu các nội dung: tên nhà cung cấp, giá chào, thời gian có hiệu lực của Hồ sơ chào giá sẽ được lập thành một biên bản chung để làm cơ sở đánh giá lựa chọn nhà cung cấp.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác.

Nơi nhận:

- Các khách hàng tham gia chào giá;
- Niêm yết công khai tại đơn vị;
- Lưu VT; ĐTXD.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Phương

DANH MỤC CHI TIẾT KHỐI LƯỢNG SỬA CHỮA
CÔNG TRÌNH: SỬA CHỮA NHÀ TỔNG HỢP KHU LHGT CAO BÀNG
 (Kèm theo Thư mời chào giá thuê ngoài sửa chữa Nhà tổng hợp số 1146/TB-GTCB
 ngày 14 tháng 7 năm 2021)

STT	Tên sản phẩm	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
1	Lắp dựng dàn giáo ngoài, cao $\leq 16\text{m}$	100m ²	5,5677	
2	Tháo dỡ mái tôn bằng thủ công, chiều cao $\leq 28\text{m}$	m ²	457,7592	
3	Tháo dỡ kết cấu sắt thép xà gồ	tấn	1,2979	
4	Phá dỡ tường xây gạch chiều dày $\leq 11\text{cm}$	m ³	3,2855	
5	Phá dỡ tường xây gạch chiều dày $\leq 22\text{cm}$ đỡ tường thu hồi xung quanh	m ³	19,8158	
6	Cắt sàn bê tông bằng máy - Chiều dày $\leq 15\text{cm}$	m	94,380	
7	Phá dỡ sàn mái bê tông cốt thép bằng máy khoan	m ³	5,3291	
8	Tháo dỡ ống thoát nước mái + hệ thống thu lỏi dây chống sét trên mái	công	2,0	
	vận chuyển phế thải 3 km:			
9	Bóc xếp vận chuyển phế thải các loại	m ³	28,430	
10	Vận chuyển phế thải trong phạm vi 1000m bằng ô tô - 5,0T	m ³	31,7573	
11	Vận chuyển phế thải tiếp 2km bằng ô tô - 5,0T	m ³	31,7573	
12	Đục tẩy rí kết cấu thép, thép trong bê tông - cột thép, vai cột	m ²	8,6760	
13	Nhân công thổi bụi + bơm keo dán tại phần cột	công	10,0	
14	Bơm keo Ramset	hộp	30,0	
15	Ván khuôn cho bê tông đổ tại chỗ, ván khuôn kim loại, ván khuôn tường, cột vuông, cột chữ nhật, xà dầm, giằng, cao $\leq 16\text{m}$	100m ²	1,0138	
16	Công tác sản xuất lắp dựng cốt thép bê tông tại chỗ, cốt thép cột, trụ, đường kính $\leq 10\text{mm}$, cột, trụ cao $\leq 16\text{m}$	tấn	0,320	
17	Công tác sản xuất lắp dựng cốt thép bê tông tại chỗ, cốt thép cột, trụ, đường kính $\leq 18\text{mm}$, cột, trụ cao $\leq 16\text{m}$	tấn	0,9080	
18	Bê tông sản xuất bằng máy trộn - đổ bằng thủ công, bê tông cột, đá 1x2, tiết diện cột $\leq 0,1\text{m}^2$, cao $\leq 16\text{m}$, mác 250	m ³	5,5757	
19	Ván khuôn cho bê tông đổ tại chỗ, ván khuôn gỗ, ván khuôn xà dầm, giằng	100m ²	0,6614	

20	Công tác sản xuất lắp dựng cốt thép bê tông tại chỗ, cốt thép xà dầm, giằng, đường kính ≤ 10 mm, ở độ cao ≤ 16 m	tấn	0,1790	
21	Công tác sản xuất lắp dựng cốt thép bê tông tại chỗ, cốt thép xà dầm, giằng, đường kính ≤ 18 mm, ở độ cao ≤ 16 m	tấn	0,6520	
22	Bê tông sản xuất bằng máy trộn - đổ bằng thủ công, bê tông xà dầm, giằng nhà, đá 1x2, mác 250	m3	4,8105	
23	Ván khuôn cho bê tông đổ tại chỗ, ván khuôn gỗ, ván khuôn nhôm, ván khuôn thép, ván khuôn liên mái hắt, máng nước, tấm đan	100m2	0,2647	
24	Công tác sản xuất lắp dựng cốt thép bê tông tại chỗ, cốt thép nhôm liên mái hắt, máng nước, đường kính ≤ 10 mm, cao ≤ 16 m	tấn	0,0510	
25	Công tác sản xuất lắp dựng cốt thép bê tông tại chỗ, cốt thép nhôm liên mái hắt, máng nước, đường kính > 10 mm, cao ≤ 16 m	tấn	0,1938	
26	Bê tông sản xuất bằng máy trộn - đổ bằng thủ công, bê tông nhôm, nhôm liên mái hắt, máng nước, tấm đan..., đá 1x2, mác 250	m3	1,0463	
27	Ván khuôn cho bê tông đổ tại chỗ, ván khuôn gỗ, cầu thang thường	100m2	0,2056	
28	Công tác sản xuất lắp dựng cốt thép bê tông tại chỗ, cốt thép cầu thang, đường kính ≤ 10 mm, cao ≤ 16 m	tấn	0,3890	
29	Công tác sản xuất lắp dựng cốt thép bê tông tại chỗ, cốt thép cầu thang, đường kính > 10 mm, cao ≤ 16 m	tấn	0,0490	
30	Bê tông sản xuất bằng máy trộn - đổ bằng thủ công, bê tông cầu thang thường, đá 1x2, mác 250	m3	1,9694	
31	Xây gạch chỉ 6,5x10,5x22, xây kết cấu phức tạp khác cao ≤ 16 m, vữa XM mác 75	m3	0,7673	
32	Xây tường thẳng bằng vữa xây bê tông nhẹ, gạch bê tông khí chưng áp - gạch AAC (20x10x60)cm, chiều dày 10cm, chiều cao ≤ 16 m	m3	50,4217	
33	Trát tường ngoài, chiều dày trát 1,5cm, vữa XM mác 100	m2	211,9918	
34	Trát trụ cột, lam đứng, cầu thang, dày 2,0 cm, vữa XM mác 75	m2	87,3694	
35	Trát tường trong, dày 1,5 cm, vữa XM mác 75	m2	719,8150	

36	Sơn tường ngoài nhà không bả bằng sơn kova 1 nước lót + 2 nước phủ	m2	273,8370	
37	Sơn dầm, trần, tường trong nhà không bả bằng sơn kova 1 nước lót + 2 nước phủ	m2	755,3790	
38	Lát nền, sàn gạch men bóng - KT600x600m2	m2	297,3330	
39	Lát nền, sàn gạch men khô chống trơn- KT300x300m2	m2	16,2253	
40	Ốp tường trụ, cột gạch men bóng - KT300x600mm	m2	60,9025	
41	Vách ngăn compac HPL + phụ kiện (giá hoàn thiện)	m2	19,5360	
42	Làm trần phẳng bằng tấm thạch cao	m2	296,2550	
43	Làm trần mái đua ngoài trời alumin	m2	77,580	
44	Làm trần bằng tấm thạch cao chống ẩm	m2	16,1428	
	Cửa đi, cửa sổ bằng cửa nhôm Việt Pháp:			
45	Cửa đi nhôm Việt Pháp kính dày 6,38ly	m2	22,540	
46	Phụ kiện cửa đi Việt Pháp (Khóa Việt Tiệp, bản lề chốt trên dưới)	bộ	9,0	
47	Cửa sổ nhôm Việt Pháp kính dày 6,38ly	m2	60,9510	
48	Phụ kiện cửa sổ Việt Pháp (Khóa Việt Tiệp, bản lề chốt trên dưới)	bộ	20,0	
49	Gia công cửa sắt, hoa sắt	tấn	1,0630	
50	Sơn sắt thép bằng sơn các loại 1 nước lót + 2 nước phủ	m2	38,650	
51	Lắp dựng hoa sắt cửa	m2	65,7360	
52	Lắp rèm các cửa sổ bằng rèm gỗ (Bao gồm lắp đặt)	m2	65,7360	
	Cầu thang:			
53	Tay vịn lan can cầu thang bằng Inox 304(lắp đặt hoàn thiện)	m	63,20	
54	Công tác ốp đá granit tự nhiên vào tường sử dụng keo dán	m2	20,9089	
	Phân mái:			
55	Gia công xà gồ thép mạ kẽm	tấn	1,3440	
56	Lắp dựng xà gồ thép	tấn	1,3440	
57	Gia công vì kèo thép hộp mạ kẽm	tấn	1,7880	
58	Lắp vì kèo thép khẩu độ $\leq 18m$	tấn	1,7880	
59	Lợp mái che tường bằng tôn múi chống nóng dày 0,4mm, 11 sóng	100m2	4,1411	
60	Tôn úp nóc B=0,6m	m	50,90	
61	Lắp đặt máng nước Inox 304 U800 dày 0,6mm bao gồm cả phụ kiện	md	82,0	
	Phân cấp thoát nước:			
62	Lắp đặt bể nước Inox 1,5m3	bể	1,0	
63	Lắp đặt van phao	cái	1,0	

64	Lắp đặt ống nhựa PPR-PN10 ĐK 32mm	100m	0,050	
65	Lắp đặt ống nhựa PPR-PN10 ĐK 25mm	100m	0,240	
66	Lắp đặt ống nhựa PPR-PN10, ĐK 20mm	100m	0,040	
67	Lắp đặt kép nhựa PPR đường kính 32mm	cái	1,0	
68	Rắc co ĐK 32	cái	1,0	
69	Lắp đặt van khóa ĐK 32	cái	1,0	
70	Tê thu PPR 32x25	cái	1,0	
71	Chếch PPR 32x25	cái	1,0	
72	Cút nhựa PPR 90 độ ĐK 25	cái	1,0	
73	Cút nhựa PPR 90 độ ĐK 32	cái	6,0	
74	Tê đều PPR 25x25	cái	13,0	
75	Tê đều PPR 20x20	cái	3,0	
76	Kép PPR 20	cái	8,0	
77	Lắp đặt chậu xí bệt AR5	bộ	4,0	
78	Lắp đặt vòi rửa vệ sinh	cái	4,0	
79	Lắp đặt chậu tiểu nam cảm ứng	bộ	2,0	
80	Lắp đặt chậu rửa + chân chậu	bộ	2,0	
81	Lắp đặt ống nhựa PVC, ĐK 110mm	100m	0,30	
82	Lắp đặt ống nhựa PVC, ĐK 76mm	100m	0,250	
83	Lắp đặt ống nhựa PVC, ĐK 50mm	100m	0,120	
84	Lắp đặt ống nhựa PVC, ĐK 34mm	100m	0,090	
85	Cút nhựa 90 độ ĐK 110	cái	2,0	
86	Cút nhựa 90 độ ĐK 76	cái	6,0	
87	Tê vuông 34x34	cái	1,0	
88	Tê vuông 76x76	cái	2,0	
89	Cút nhựa 90 độ ĐK 50	cái	2,0	
90	Cút nhựa 90 độ ĐK 34	cái	2,0	
91	Phễu thu Inox ĐK 76	cái	2,0	
	Thu lôi chống sét:			
92	Lắp đặt kim thu sét - Chiều dài kim 1m	cái	6,0	
93	Lắp đặt đế sứ lót chân kim	cái	6,0	
94	Kéo rải dây thép chống sét theo tường, cột và mái nhà, D=10mm	m	40,0	
	Phân điện:			
95	Lắp đặt dây dẫn 2 ruột CU/PVC/PVC 2x10mm ²	m	5,0	
96	Lắp đặt dây dẫn 2 ruột CU/PVC/PVC 2x6mm ²	m	60,0	
97	Lắp đặt dây dẫn 2 ruột CU/PVC/PVC 2x4mm ²	m	45,0	
98	Lắp đặt dây dẫn 2 ruột CU/PVC/PVC 2x2,5mm ²	m	260,0	
99	Lắp đặt dây dẫn 2 ruột CU/PVC/PVC 2x1,5mm ²	m	240,0	
100	Lắp đặt hộp nối, phân dây	hộp	8,0	

47.0
EP
3
10 BẢNG

101	Lắp đặt ống nhựa chìm bảo hộ dây dẫn - Đường kính $\leq 27\text{mm}$	m	320,0	
102	Tủ điện bằng kim loại	cái	1,0	
103	Lắp đặt các automat 1 pha $\leq 150\text{A}$	cái	1,0	
104	Lắp đặt các automat 1 pha $\leq 100\text{A}$	cái	2,0	
105	Lắp đặt các automat 1 pha $\leq 50\text{A}$	cái	10,0	
106	Lắp đặt các automat 1 pha $\leq 10\text{A}$	cái	3,0	
107	Đế âm + mặt	cái	16,0	
108	Lắp đặt quạt thông gió	cái	1,0	
109	Lắp đặt đèn led bán nguyệt dài 1,2m, hộp đèn 1 bóng	bộ	24,0	
110	Lắp đặt đèn led sát trần	bộ	9,0	
111	Lắp đặt ổ cắm đôi	cái	32,0	
112	Lắp đặt công tắc 1 hạt	cái	13,0	
113	Lắp đặt công tắc 2 hạt	cái	6,0	
114	Đế âm + mặt	cái	51,0	
115	Lắp đặt công tắc cầu thang	cái	2,0	
116	Lắp đặt van phao tự động	cái	1,0	
117	Lắp đặt máy điều hoà 1 chiều	máy	5,0	
118	Điều hòa nhiệt độ 1 chiều 18000BTU, Daikin	cái	5,0	
	Thiết bị INTERNET:			
119	Ổ cắm mạng RJ45	cái	11,0	
120	Dây Internet	m	135,0	
121	Ống ghen nhựa đặt chìm bảo hộ dây dẫn, ĐK 25mm	m	135,0	
122	Switch mạng 8 PORT TP LINK (TP-Link TL-SG1008 - Switch 12 Cổng Gigabit)	cái	1,0	
123	Modem ADSL (Modem + Router TP-Linh ADSL TD-W8151N)	cái	1,0	